

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2022.

V/v “Tranh chấp về ly hôn; nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Mỹ Linh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Sơn;

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 300/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/01/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1987 (có mặt);

Cư trú: Tổ 15, ấp VP, xã VH, huyện CT, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn Th, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 15, ấp VP, xã VH, huyện CT, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị Lê Thị H sống chung với anh Đoàn Văn Th từ năm 2007, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện TT ([giấy đăng ký kết hôn số 151 ngày 05/9/2008](#)). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tôn

trọng nhau, anh Th hay ăn chơi, cờ bạc, gây nợ nần,...hứa hẹn từ bỏ nhiều lần, nhưng không thay đổi, nay lại thường xuyên bỏ nhà đi. Từ đó dẫn đến mất tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng và tin tưởng nhau, luôn bất hòa, cuộc sống gia đình không êm ấm và cũng không hạnh phúc, nên đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Vợ chồng chung sống có 03 con chung tên Đoàn Thiện M, sinh ngày 27/5/2008; Đoàn Thảo M và Đoàn Thông M1, cùng sinh ngày 02/8/2015, từ khi sống ly thân đến nay các con sống với chị Lê Thị H.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn Th; Về con chung chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

\* Đối với bị đơn anh Đoàn Văn Th: Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng anh Th đều vắng mặt không lý do. Qua chứng cứ thu thập được thì anh Đoàn Văn Th có nơi cư trú tại Tổ 15, ấp VP, xã VH, huyện CT, tỉnh An Giang; Hiện tại anh Đoàn Văn Th không Th xuyên có mặt tại địa phương và không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

Tại phiên tòa:

- Chị H xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Th; Về con chung chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Th: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H. Giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Th; về con chung: Tiếp tục giao 03 cháu Đoàn Thiện M; Đoàn Thảo M và Đoàn Thông M1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H và anh Đoàn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 9 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện TT, tỉnh An Giang nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị H và anh Th phát sinh mâu thuẫn, nên chị H xin ly hôn với anh Th. Anh Th có hộ khẩu Th trú ở ấp VP, xã VH, huyện CT, tỉnh An Giang. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Đoàn Văn Th là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Th theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi cưới vợ chồng đã có nhà riêng, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Th đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, anh Th thường xuyên vắng mặt tại địa phương và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía chị H đưa ra. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh Th bỏ mặc không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình là muốn duy trì quan hệ hôn nhân này. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh Th đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H là được ly hôn với anh Đoàn Văn Th.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Chị Lê Thị H thừa nhận 03 cháu tên Đoàn Thiện M, sinh ngày 27/5/2008; Đoàn Thảo M và Đoàn Thông M1, cùng sinh ngày 02/8/2015 là con chung của chị và anh Đoàn Văn Th, mặt khác giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện rõ điều này, do đó cần công nhận 03 cháu Đoàn Thiện M, Đoàn Thảo M và Đoàn Thông M1 là con chung của chị H và anh Th, hiện do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Lê Thị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh, chị không còn sống chung nữa thì các cháu Đoàn Thiện M, Đoàn Thảo M và Đoàn Thông M1 do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, đồng thời Tòa án đã tiến hành lấy lời khai đối với cháu Thiện M thì cháu có nguyện vọng được ở với chị H (BL số

25). Do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo phát triển cuộc sống cho các cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H là được tiếp tục nuôi 03 cháu **Đoàn Thiện M, Đoàn Thảo M và Đoàn Thông M1**.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu anh Đoàn Văn Th cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Anh Đoàn Văn Th có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chị Lê Thị H có yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Văn Th nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*- Xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đoàn Văn Th. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn **số 151 ngày 05/9/2008 do Ủy ban nhân dân xã BC (huyện TT, An Giang)** cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận 03 cháu **Đoàn Thiện M, sinh ngày 27/5/2008; Đoàn Thảo M và Đoàn Thông M1, cùng sinh ngày 02/8/2015** là con chung của chị Lê Thị H và anh Đoàn Văn Th;

+ Tiếp tục giao 03 cháu **Đoàn Thiện M, Đoàn Thảo M và Đoàn Thông M1** cho chị Lê Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện 03 cháu Thiện M, Thảo M và Thông M1 đang sống chung với chị H); Anh Đoàn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Lê Thị H do chị H không yêu cầu;

+ Chị Lê Thị H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đoàn Văn Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0002788 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, An Giang, được khấu trừ nên chị Lê Thị H đã nộp xong.

5. Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Đoàn Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.CT;
- Chi cục THADS.CT;
- UBND xã BC;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Mỹ Linh**



